



CHƯƠNG 7: TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)

ThS: Đàm Thị Phương Thảo
Khoa kinh tế và kinh doanh Quốc tế
UEB-VNU

Nội dung bài giảng

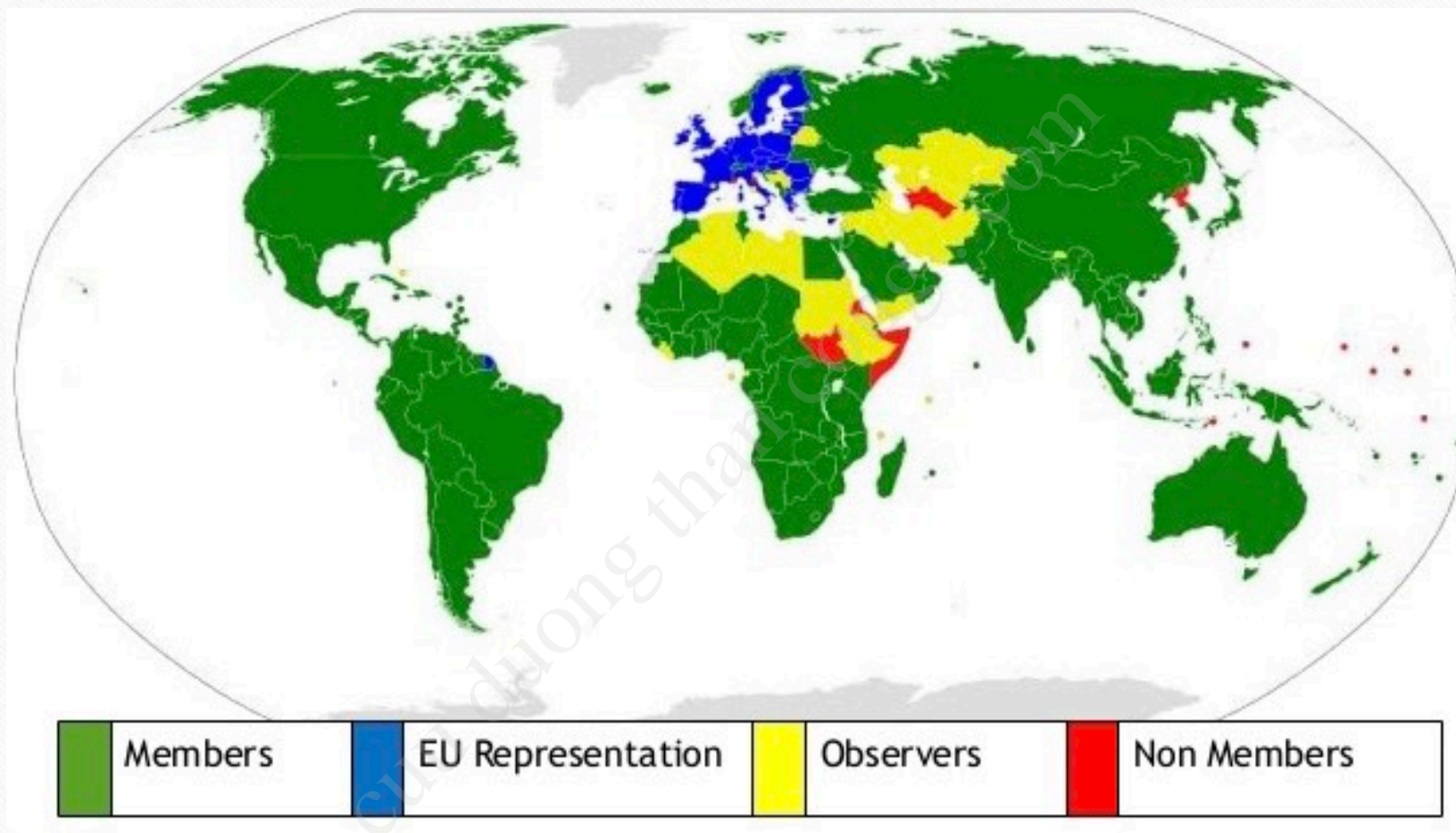
- **Giới thiệu chung về WTO**
- **Lịch sử hình thành và phát triển của WTO**
- **Các nguyên tắc cơ bản của WTO**
- Các hiệp định của WTO
- Cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO
- Việt Nam gia nhập vào WTO

Giới thiệu chung về WTO

<https://www.youtube.com/watch?v=w9OyMHR09q0>

Giới thiệu chung về WTO

- **Tổ chức thương mại thế giới (World Trade Organization - WTO)** là tổ chức thương mại lớn nhất toàn cầu, đóng vai trò quản lý luật lệ giữa các quốc gia trong hoạt động thương mại quốc tế
 - Ngày thành lập: 1/1/1995
 - Trụ sở chính: Geneva (Thụy Sĩ)
 - Số thành viên: 164 thành viên (tính đến 29/7/2016)
 - Tổng giám đốc: ông Roberto Azevêdo
- Mục đích: Loại bỏ hoặc giảm thiểu các rào cản thương mại tiến tới tự do hoá thương mại



Bản đồ các nước thành viên của WTO



Trụ sở chính của WTO tại Thụy Sĩ

Lịch sử hình thành và phát triển của WTO

- Sau chiến tranh thế giới thứ 2, hơn 50 nước trên thế giới đã nhóm họp tại Bretton Woods (Mỹ), dự kiến thành lập Tổ chức thương mại Quốc tế (ITO)
- 3/1948, Hiến chương ITO đã được nhất trí tại Hội nghị Liên Hợp Quốc về thương mại và việc làm tại Habana (Cuba), nhưng Thượng nghị viện Hoa Kỳ lại không phê duyệt hiến chương này => ITO chết yểu
- Tuy nhiên, tinh thần cơ bản của ITO vẫn tồn tại thông qua Hiệp định chung về Thương mại và thuế quan -GATT

History



Lịch sử hình thành và phát triển của WTO

- **GATT (General Agreement of Trade and Tariff)** đóng vai trò như một công cụ đa phương nhất điều chỉnh thương mại quốc tế và đóng vai trò là khung pháp lý chủ yếu của hệ thống thương mại đa phương cho đến khi WTO ra đời

“Cho tới trước khi WTO ra đời, GATT đã có 124 bên ký kết và đang tiếp nhận 25 đơn xin gia nhập. Nội dung của GATT ngày càng bao trùm và quy mô ngày càng lớn. Từ mức thuế trung bình 40% năm 1948, đến năm 1995, mức thuế quan trung bình của các nước phát triển chỉ còn 4% và các nước đang phát triển là 15%”

Lịch sử hình thành và phát triển của WTO

Những năm 70s và 80s, tình hình thương mại thế giới thay đổi, sự phát triển của KHKT khiến GATT bắt đầu tỏ ra không phù hợp

- Phạm vi điều chỉnh cắt giảm hàng rào bảo hộ của GATT còn nhỏ hẹp so với sự phát triển của các hàng rào phi thuế quan
- GATT chủ yếu điều chỉnh thương mại hữu hình: Phát triển thương mại dịch vụ, đầu tư và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại
- Lỗ hổng trong quy định của GATT (nhiều ngoại lệ trong nông nghiệp, dệt may)
- Hệ thống giải quyết tranh chấp chưa tốt

=> 1/1/1995, WTO chính thức đi vào hoạt động sau Vòng đàm phán Uruguay

Các vòng đàm phán của GATT

Năm	Tên	Chủ đề đàm phán	nước
1947	Geneva	Thuế quan	23
1949	Annecy	Thuế quan	13
1950-1951	Torquay	Thuế quan	38
1955-1956	Geneva	Thuế quan	26
1961-1962	Dillon	Thuế quan	26
1964-1967	Kenedy	Thuế quan và các biện pháp chống bán phá giá	62
1973-1979	Tokyo	Thuế quan, phi thuế, các hiệp định "khung"	102
1986-1993	Uruguay	Thuế, phi thuế, dịch vụ, IPRs, DSM, dệt may, nông nghiệp, thành lập WTO ...	123

Mục tiêu của WTO

- **Mục tiêu chính:** Xây dựng, thực hiện và giám sát quy tắc, luật lệ toàn cầu về thương mại toàn cầu, đảm bảo dòng thương mại nhịp nhàng, dự đoán được và tự do.
- WTO không chỉ đơn thuần là mở cửa thị trường, và trong một số trường hợp, quy tắc của WTO cho phép WTO duy trì rào cản thương mại - ví dụ: để bảo vệ người tiêu dùng và môi trường

Các đặc trưng cơ bản của WTO

Cơ cấu tổ chức

- Cơ quan quyền lực cao nhất: Hội nghị bộ trưởng (Ministerial Conference)
- Đại hội đồng (General Council)
- + Cơ quan giải quyết các tranh chấp (Dispute Settlement Body-DSB)
- + Cơ quan rà soát Chính sách thương mại (Trade Policy Review Body -TPRB)
- Ba Hội đồng về 3 lĩnh vực: HĐ về Thương mại hàng hoá, HĐ về Thương mại dịch vụ và HĐ về Quyền sở hữu trí tuệ
- Ủy Ban
- Ban thư ký

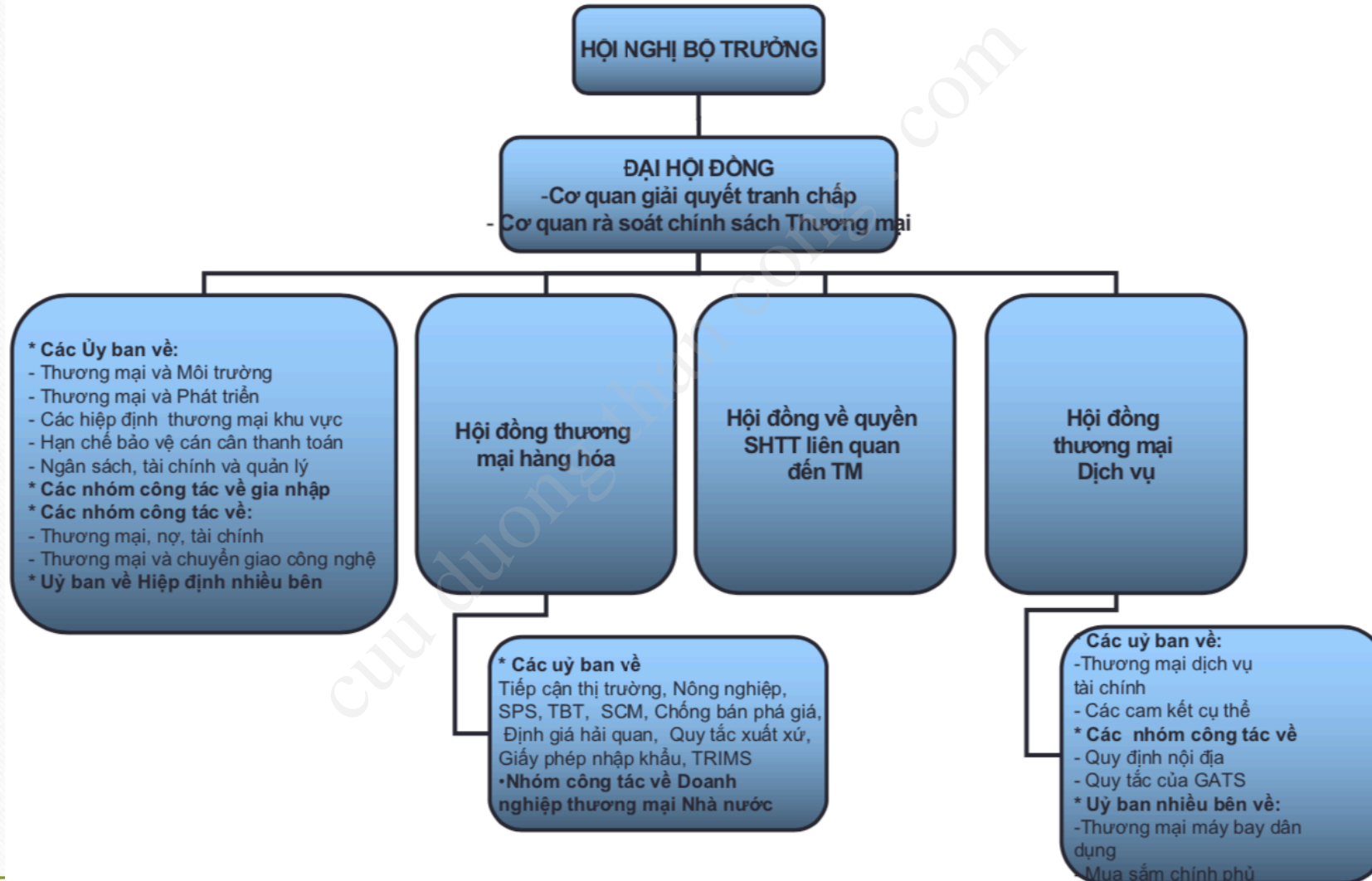
Khung khổ pháp lý của WTO

- Khung khổ pháp lý của WTO chính là các hiệp định WTO được ký kết từ vòng đàm phán Uruguay gồm 50.000 trang (trong đó có 500 trang quy định về nguyên tắc và nghĩa vụ của các thành viên)
- Hiệp định của WTO điều chỉnh thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ và sở hữu trí tuệ

Đặc điểm chung của các hiệp định

- Đề ra các nguyên tắc về tự do hoá và các ngoại lệ
- Nêu lại cam kết của các nước về thuế quan và các trở ngại về thương mại
- Quy định thủ tục giải quyết tranh chấp
- Quy định những đối xử đặc biệt cho các nước đang phát triển
- Buộc các chính phủ phải minh bạch trong chính sách thương mại và phải thông báo cho WTO về những luật lệ hiện hành

Cơ cấu tổ chức của WTO



Cơ chế ra quyết định

- Về cơ bản, các quyết định trong WTO được thông qua bằng **cơ chế đồng thuận**. Có nghĩa là chỉ khi không một nước nào bỏ phiếu chống thì một quyết định hay quy định mới được xem là “được thông qua”.
- Tuy nhiên, trong các trường hợp sau quyết định của WTO được thông qua theo các **cơ chế bỏ phiếu đặc biệt** (không áp dụng cơ chế đồng thuận):
 - Giải thích các điều khoản của các Hiệp định: Được thông qua nếu có **3/4 số phiếu** ủng hộ;
 - Dừng tạm thời nghĩa vụ WTO cho một thành viên: Được thông qua nếu có **3/4 số phiếu** ủng hộ;
 - Sửa đổi các Hiệp định (trừ việc sửa đổi các điều khoản về quy chế tối huệ quốc trong GATT, GATS và TRIPS): Được thông qua nếu có **2/3 số phiếu** ủng hộ.

Các nguyên tắc hoạt động của WTO



Các nguyên tắc cơ bản của WTO

Nguyên tắc 1: Không phân biệt đối xử

Nguyên tắc này thể hiện ở: **Đãi ngộ tối huệ quốc (MNF)** và **Đãi ngộ quốc gia (NT)**

- **MNF:** Đối xử bình đẳng với các nước khác, các quốc gia không thể phân biệt đối xử với các đối tác thương mại của mình
- Khi một nước giảm bớt hàng rào thuế quan hay mở cửa thị trường nước mình thì nước này phải dành sự đãi ngộ tương tự như vậy với cùng loại hàng hoá và dịch vụ của tất cả các đối tác thương mại

Các nguyên tắc cơ bản của WTO

NT: đối xử bình đẳng giữa sản phẩm nước ngoài và sản phẩm nội địa

- Hàng nội địa và hàng nhập khẩu phải được đối xử bình đẳng ngay sau khi hàng nhập khẩu đã thâm nhập vào thị trường.
- Áp dụng đối với lĩnh vực dịch vụ, thương hiệu, bản quyền, bằng sáng chế nước ngoài cũng như trong nước đã thâm nhập vào thị trường.

Các nguyên tắc cơ bản của WTO

Nguyên tắc 2: Tự do hoá (hơn) bằng con đường đàm phán

- GATT ra đời với 8 vòng đàm phán thương mại đã được tổ chức xoay quanh vấn đề cắt giảm hàng rào thuế quan và phi thuế quan cản trở thương mại hàng hoá và dịch vụ
- Vòng đàm phán thứ 9 (Doha) đang tiếp diễn
- Tuy nhiên, "sức chịu đựng" của mỗi nền kinh tế trước sức ép của hàng hoá nước ngoài tràn vào do mở cửa thị trường là khác nhau

=> Các hiệp định của WTO đã được thông qua với quy định cho phép các nước thành viên điều chỉnh các chính sách hướng tới tự do hoá từng bước

Các nguyên tắc cơ bản của WTO

Nguyên tắc 3: Dễ dự đoán nhờ ràng buộc cam kết và chính sách minh bạch

- Các hiệp định của WTO yêu cầu chính phủ các nước thành viên phải công bố thật rõ ràng, công khai ("minh bạch") các cơ chế, chính sách, biện pháp quản lý thương mại của mình
- WTO cũng thường xuyên giám sát chính sách thương mại của từng thành viên thông qua Cơ chế rà soát chính sách thương mại.

Các nguyên tắc cơ bản của WTO

Nguyên tắc 4: Thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng

- Duy trì những quy định về bảo hộ, nhằm hạn chế tác động tiêu cực của các biện pháp cạnh tranh không bình đẳng như bán phá giá, trợ cấp...hoặc các biện pháp bảo hộ khác.
- Quy định trường hợp nào là cạnh tranh bình đẳng/ không bình đẳng từ đó được phép hay không được phép áp dụng các biện pháp như trả đũa, tự vệ, chống bán phá giá
- Giải quyết tranh chấp thương mại

Các nguyên tắc cơ bản của WTO

Nguyên tắc 5: Khuyến khích phát triển và cải cách kinh tế bằng cách ưu đãi hơn cho các nước đang phát triển

- $\frac{3}{4}$ Số thành viên của WTO là các nước đang phát triển và các nước đang trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế
- Nhóm nước này có những ưu đãi nhất định trong việc thực hiện các hiệp định của WTO (hỗ trợ kỹ thuật nhiều hơn, thời gian quá độ thực hiện dài hơn để các nước này điều chỉnh chính sách của mình, ưu đãi thuế thâm nhập thị trường)
- **Vòng đàm phán Doha vì sự phát triển**

Các nguyên tắc cơ bản của WTO

Nguyên tắc 6: Bảo vệ môi trường (Protect the environment)

- Các hiệp định của WTO cho phép các thành viên thực hiện các biện pháp bảo vệ không chỉ môi trường mà còn là sức khỏe cộng đồng và động thực vật
- Các biện pháp này phải được áp dụng như nhau đối với cả doanh nghiệp trong và ngoài nước. Nói cách khác, các thành viên không được sử dụng các biện pháp bảo vệ môi trường như một phương tiện bảo hộ thương mại.

Chức năng của WTO

Chức năng của WTO: đề ra các quy định điều tiết hoạt động thương mại của các quốc gia trên quy mô toàn thế giới

- Quản lý các hiệp định của WTO
- Diễn đàn đàm phán thương mại
- Xử lý các tranh chấp thương mại
- Rà soát các chính sách thương mại quốc gia
- Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo các nước đang phát triển
- Hợp tác với các tổ chức quốc tế khác

Chức năng của WTO

Quản lý các hiệp định thương mại của WTO

- Các thành viên phải nghiêm túc chấp hành các hiệp định thương mại của WTO
- Chính phủ các nước thành viên phải thông báo những quy định thương mại hiện hành cho các cá nhân doanh nghiệp và đảm bảo không có thay đổi đột ngột nào trong các chính sách đang được áp dụng

Chức năng của WTO

Diễn đàn đàm phán thương mại

- Các nước phải thương lượng giải quyết những tranh chấp phát sinh trong quan hệ thương mại của họ
- WTO tổ chức rất nhiều cuộc đàm phán mới trong khuôn khổ “Chương trình phát triển Doha” được khởi xướng từ 2001

Chức năng của WTO

Rà soát các chính sách thương mại quốc gia

- Nhằm đảm bảo các thành viên tuân thủ đầy đủ các quy định luật lệ và các cam kết của các hiệp định thương mại đa phương
- Các thành viên WTO đều chịu sự rà soát chính sách thương mại được thực hiện trên cơ sở của các nước thành viên và ban thư ký WTO

Chức năng của WTO

- Xử lý các tranh chấp thương mại
- Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo cho các nước đang phát triển:

<http://ncif.gov.vn/Pages/NewsDetail.aspx?newid=2863>

Chức năng của WTO

Hợp tác với các tổ chức quốc tế khác

- WTO có mối quan hệ chặt chẽ với nhiều tổ chức quốc tế khác đặc biệt là IMF và WB
- Hiện có khoảng 140 tổ chức quốc tế có quan sát viên tại WTO và WTO cũng là quan sát viên của nhiều tổ chức quốc tế
- Ban Thư ký của WTO làm việc với hơn 200 tổ chức quốc tế trong các hoạt động như thống kê, nghiên cứu, thiết lập quy chuẩn, hỗ trợ đào tạo kỹ thuật

Chương trình phát triển Doha: Diễn biến đàm phán và các vấn đề tồn tại

Hội nghị Bộ trưởng Doha 2001

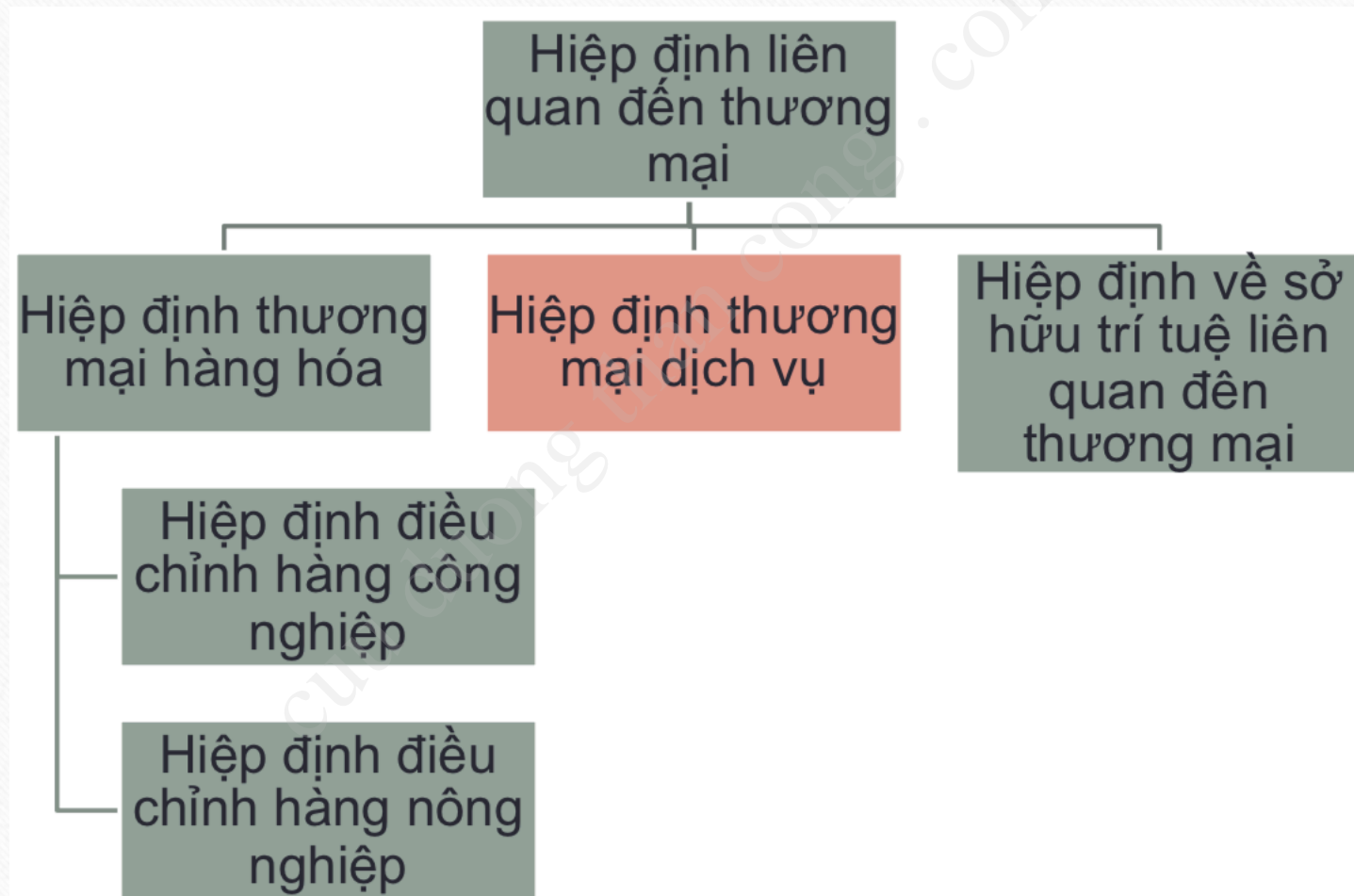
- Vòng phát triển Doha: Chính thức khởi động
- Giải quyết các hạn chế của Vòng Uruguay (nông nghiệp, dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ, vấn đề các nước đang và kém phát triển...)
- Xem xét sửa đổi nội dung Hiệp định hiện hành
- Dự kiến sẽ kết thúc đàm phán trước ngày 1/1/2005

Các vấn đề đang được tập trung đàm phán hiện nay

- Thương mại điện tử (E-commerce)
- Dự trữ sản phẩm nông nghiệp của quốc gia (Public Food Stockholding)
- Trợ cấp cho ngành Thuỷ sản (Fisheries)
- Nền Kinh tế xanh (Blue economy)
- Thuận lợi hoá đầu tư (Investment Facilitation)
- **Lợi ích của các nước kém phát triển (LDC interests)**
- Thuận lợi hoá thương mại dịch vụ (Facilitation in Trade in Services)
- TRIPs (Các vấn đề sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại)

Các hiệp định của WTO

Các hiệp định của WTO



Các Hiệp định đa biên về thương mại hàng hoá

1. Hiệp định chung về thuế quan và Thương mại 1994 (GATT 1994)
2. Hiệp định về các hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT)
3. Hiệp định về các biện pháp chống bán phá giá (AD) – điều VI của GATT 1994
4. Hiệp định về Trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM)
5. Hiệp định về Các biện pháp tự vệ (SG)
6. Hiệp định về các biện pháp định giá hải quan (CV) – Điều VII của GATT 1994
7. Hiệp định về giám định trước khi xếp hàng (PSI)
8. Hiệp định về qui tắc xuất xứ (ROO)
9. Hiệp định về Thủ tục cấp phép nhập khẩu (IL)

Hiệp định liên quan đến thương mại hàng công nghiệp

- Hiệp định điều chỉnh chủ yếu: GATT 1994
- **Giảm và ràng buộc thuế quan sau Vòng Uruguay:**
 - Các nước phát triển cam kết giảm thuế quan trong vòng 5 năm, từ trung bình từ 6,3% xuống 3,8% từ 1/1/1995
 - Giá trị hàng nhập khẩu được miễn thuế vào các nước phát triển tăng từ 20% lên 44%
 - Số lượng dòng thuế nhập khẩu từ tất cả các nước phải chịu thuế suất trên 15% giảm từ 7% xuống còn 5% (riêng đối với các nước đang phát triển, mức giảm này là từ 9% xuống 5%)
 - Năm 1997, 40 nước chiếm 92% thương mại thế giới trong lĩnh vực công nghệ thông tin đã nhất trí miễn thuế và các loại phí khác cho tất cả các sản phẩm công nghệ thông tin nhập khẩu kể từ năm 200

Hiệp định liên quan đến thương mại hàng công nghiệp

- **Ví dụ: ngành dệt may**

- Trước 1995, Hiệp định Đa sợi (MFA): ấn định hạn ngạch dệt may vào các nước phát triển
- Hiệp định dệt may (Agreement on Textiles and Clothing - ATC): xóa bỏ dần hạn ngạch trong vòng 10 năm, không phân biệt đối xử
 - Có hiệu lực: 1/1/1995
 - Hết hiệu lực: 1/1/2005
 - Hiệp định duy nhất: tự chấm dứt hiệu lực

Hiệp định về thương mại trong nông nghiệp: Agreement of Agriculture (AOA)

Tại sao WTO phải có một Hiệp định riêng về nông sản?

1. Nhóm hàng nhạy cảm trong TMQT

- Nhiều lý do về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội
- TM nông sản đụng chạm đến lợi ích của một bộ phận dân cư vốn có thu nhập không cao ở cả các nước phát triển và đang phát triển
- Mỗi nước đều có nhu cầu đảm bảo nguồn cung lương thực ổn định trong hoàn cảnh thế giới thường xuyên có biến động về thu hoạch và các nguy cơ nạn đói rình rập.
- Chính sách thương mại nông sản đặc biệt bảo thủ so với hàng hóa công nghiệp

2. Không dễ đạt được thỏa thuận về mở cửa thị trường và cắt giảm các hình thức trợ cấp cho nông sản

=> AOA: Kết quả của vòng Uruguay, ký kết tại Marrakesh năm 1994 – bước ngoặt lớn (Mỹ-Châu Âu về thịt bò)

Hiệp định về thương mại trong nông nghiệp: Agreement of Agriculture (AOA)



Hiệp định TBT

- **Hiệp định về những rào cản kỹ thuật đối với thương mại (Technical Barriers to Trade)**
- Công nhận các nước có quyền thiết lập mức bảo vệ hợp lý => khuyến khích các nước sử dụng tiêu chuẩn quốc tế phù hợp.
- Trên thực tế: nếu sử dụng tùy tiện => rào cản thương mại không bình đẳng, không lành mạnh
 - Nhập khẩu ô tô qua các cửa khẩu nhất định
 - Nhập khẩu mobile, rượu, mỹ phẩm qua đường biển...

Hiệp định TBT

- Phạm vi điều chỉnh
 - Sản phẩm: công nghiệp và nông nghiệp
 - TBTs (các rào cản kỹ thuật đối với thương mại) là gì?
- Tiêu chuẩn/ quy định/ quy chuẩn kỹ thuật (standards) áp dụng với hàng nhập khẩu
- Quy trình và thủ tục đánh giá sự phù hợp của hàng nhập khẩu với các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật đó
 - Ví dụ: Quy chuẩn quốc gia về thiết bị giám sát hành trình ô tô

Hiệp định SPS

- **Hiệp định về các biện pháp kiểm dịch vệ sinh dịch tễ/ Hiệp định về các biện pháp kiểm dịch động thực vật (Sanitary and Phytosanitary – SPS)**
- Công nhận các nước được xây dựng các tiêu chuẩn SPS hợp lý để bảo vệ con người, động thực vật.
- Trong thực tế: tùy tiện => không lành mạnh
- Doanh nghiệp cần hiểu rõ

Hiệp định SPS

- Yêu cầu về chất lượng, về bao bì
- Yêu cầu về quy trình đóng gói
- Yêu cầu về phương tiện và cách thức vận chuyển động thực vật, kiểm dịch
- Yêu cầu về phương pháp lấy mẫu, thống kê



Các biện pháp bảo vệ cuộc sống và sức khỏe con người hay động vật khỏi nguy cơ từ các chất phụ gia thực phẩm, tạp chất, độc chất hoặc vật gây bệnh trong thực phẩm, đồ uống, thức ăn gia súc...

Các biện pháp bảo vệ cuộc sống và sức khỏe con người khỏi các bệnh lây truyền từ động vật



Các biện pháp bảo vệ các quốc gia khỏi sự xâm nhập, xuất hiện, lan truyền sâu hại



Hiệp định thương mại dịch vụ - GATS

- General Agreement on Trade in Services – Hiệp định chung về thương mại dịch vụ
- Một hiệp định thuộc hệ thống WTO
- Ra đời năm 1995: Các quy định và nguyên tắc về thương mại dịch vụ
- Các phụ lục của GATS và các quyết định cấp Bộ trưởng
 - + Phụ lục về Miễn trừ MFN
 - + Phụ lục về Di chuyển của thể nhân
 - + Phụ lục về Dịch vụ Vận tải hàng không + Phụ lục về Dịch vụ tài chính
 - + Phụ lục về Vận tải đường biển
 - + Phụ lục về Viễn thông cơ bản
- Các cam kết của từng nước về các lĩnh vực dịch vụ cụ thể, về áp dụng MFN, NT và mở cửa thị trường trong các lĩnh vực đó

Hiệp định GATS

Hộp 1 - Mục tiêu cơ bản của GATS

GATS được xây dựng nhằm đạt được các mục tiêu sau đây trong thương mại dịch vụ giữa các nước thành viên WTO:

- Tạo ra một hệ thống các quy tắc thương mại quốc tế đáng tin cậy;
- Đảm bảo đối xử bình đẳng và công bằng đối với tất cả các bên tham gia (*nguyên tắc không phân biệt đối xử*);
- Thúc đẩy các hoạt động kinh tế thông qua việc cam kết chính sách; và
- Thúc đẩy thương mại và phát triển thông qua tự do hóa dần dần (*tạo điều kiện để doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tiếp cận khách hàng dễ dàng hơn, đặc biệt là khách hàng ở thị trường nước khác*).

Hiệp định GATS

- Dịch vụ kinh doanh
- Dịch vụ thông tin
- Dịch vụ xây dựng
- Dịch vụ phân phối
- Dịch vụ giáo dục
- Dịch vụ môi trường
- Dịch vụ tài chính
- Dịch vụ y tế
- Dịch vụ du lịch
- Dịch vụ văn hóa, giải trí và thể thao
- Dịch vụ vận tải
- Các dịch vụ khác

Các ngành dịch vụ theo phân loại của GATS: 12 ngành với 155 phân ngành.

Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại

- Nội dung phù hợp với các công ước của Tổ chức SHTT Thế giới (WIPO): Công ước Paris, Công ước Berne, Công ước Rome, Hiệp ước IPIC
- Bổ sung một số nghĩa vụ khác

Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại

- Bản quyền và các quyền liên quan
- Nhãn hiệu thương mại
- Chỉ dẫn địa lý
- Kiểu dáng công nghiệp
- Bằng sáng chế
- Thiết kế - bố trí mạch tích hợp
- Bảo vệ thông tin mật
- Quản lý các quy định về chống cạnh tranh trong Hợp đồng Li-xăng (contractual licenses)

Cơ chế giải quyết tranh chấp

Cơ chế giải quyết tranh chấp

- **Cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO** là sự kế thừa các qui định về giải quyết tranh chấp đã từng phát huy tác dụng tích cực gần 50 năm qua trong lịch sử GATT 1947.
- Mục tiêu: đạt được một giải pháp tích cực cho tranh chấp”, và ưu tiên những “giải pháp được các bên tranh chấp cùng chấp thuận và phù hợp với các Hiệp định liên quan”
- Cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO được coi là một trong những thành công cơ bản của Vòng đàm phán Uruguay.

Cơ chế giải quyết tranh chấp

- WTO ưu tiên giải quyết tranh chấp chứ không đưa ra phán quyết
- Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp: công bằng, nhanh chóng, hiệu quả và giải pháp được các bên chấp nhận
- Sơ đồ cơ chế giải quyết tranh chấp (tham khảo giáo trình thương mại quốc tế - PGS.TS Nguyễn Xuân Thiên)
- <http://www.trungtamwto.vn/chuyen-de/175-cac-co-quan-giai-quet-tranh-chap>

Cơ quan giải quyết tranh chấp (DSB – Dispute Settlement Body)



Cơ quan giải quyết tranh chấp (DSB)

- **DSB thực chất là Đại hội đồng WTO, bao gồm đại diện của tất cả các quốc gia thành viên.**
- **DSB của WTO có 2 cấp gồm:**
 - **Ban hội thẩm (Panel)**
 - Do DSB thành lập đối với từng tranh chấp cụ thể (3-5 thành viên)
 - **Cơ quan phúc thẩm (Appellate Body).**
 - Thường trực
 - Do DSB thành lập (7 thành viên)

Cơ quan giải quyết tranh chấp (DSB)

- DSB không trực tiếp tham gia vào quá trình xét xử tranh chấp
- **Ban hội thẩm** và **Cơ quan phúc thẩm** giữ vai trò là các thiết chế pháp lý
- DSB thông qua các báo cáo của Ban hội thẩm và của Cơ quan phúc thẩm, giám sát việc thi hành các quyết định, khuyến nghị giải quyết tranh chấp, cho phép đình chỉ thực hiện các nghĩa vụ và nhượng bộ

Cơ quan giải quyết tranh chấp (DSB)

Ban hội thẩm (Panel)

- Gồm từ 3 - 5 thành viên có nhiệm vụ xem xét một vấn đề cụ thể bị tranh chấp trên cơ sở các qui định WTO được quốc gia nguyên đơn viện dẫn
- Kết quả công việc của Ban hội thẩm là một báo cáo trình DSB thông qua, giúp DSB đưa ra các khuyến nghị đối với các Bên tranh chấp.
- Thực tế, đây là cơ quan trực tiếp giải quyết tranh chấp mặc dù không nắm quyền quyết định

Cơ quan giải quyết tranh chấp (DSB)

Cơ quan Phúc thẩm (SAB)

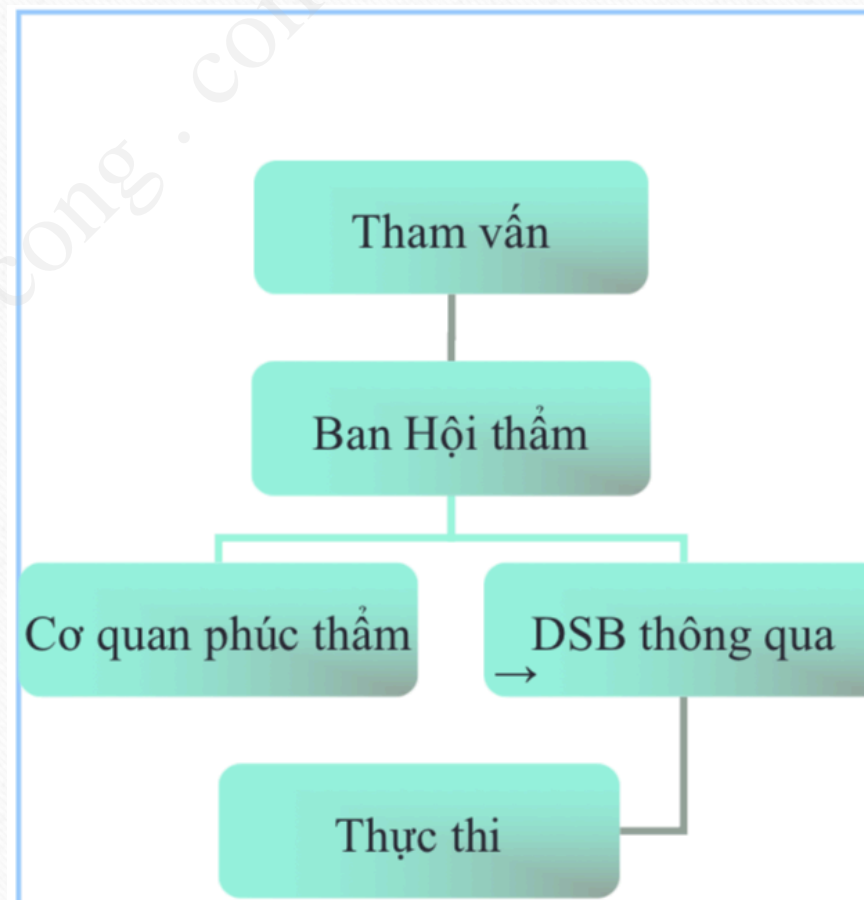
- Cho phép báo cáo của Ban hội thẩm được xem xét lại (khi có yêu cầu), đảm bảo tính đúng đắn của báo cáo giải quyết tranh chấp.
- Gồm 7 thành viên do DSB bổ nhiệm với nhiệm kỳ 4 năm (có thể được bầu lại 1 lần). Các thành viên Cơ quan Phúc thẩm được lựa chọn trong số những nhân vật có uy tín và có chuyên môn được công nhận trong lĩnh vực luật pháp, thương mại quốc tế và trong những vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh của các hiệp định liên quan

Trình tự giải quyết tranh chấp

1. Tham vấn: Bên có khiếu nại trước hết phải đưa ra yêu cầu tham vấn Bên kia
2. Môi giới, trung gian, hoà giải
3. Hoạt động của ban hội thẩm
4. Thông qua báo cáo của ban hội thẩm
5. Trình tự Phúc thẩm
6. Khuyến nghị các giải pháp
7. Thi hành

Các giai đoạn chủ yếu

- Ba bước chính:
 - Tham vấn
 - Ban hội thẩm và cơ quan phúc thẩm;
DSB thông qua báo cáo
 - Thực thi phán quyết



Bồi thường và trả đũa

- Là các biện pháp giải quyết tạm thời được sử dụng nhằm đảm bảo lợi ích của Bên thắng kiện trong thời gian Bên thua kiện không thể thực hiện được khuyến nghị của DSB
- Nếu các Bên không đạt được thỏa thuận về việc bồi thường trong vòng 20 ngày kể từ khi hết hạn thực hiện khuyến nghị, Bên thắng kiện có thể yêu cầu DSB cho phép áp dụng các biện pháp trả đũa song song hoặc trả đũa chéo.
- Nghiêm cấm việc trả đũa đơn phương mà không có sự chấp thuận của cơ quan này

Thủ tục trọng tài

Có thể được sử dụng trong các trường hợp sau đây:

- ***Trong khuôn khổ cơ chế giải quyết tranh chấp DSU:***

- Trọng tài xác định thời hạn thực hiện khuyến nghị trong trường hợp Bên thua không thể thực hiện ngay khuyến nghị;
- Xác định mức độ trả đũa trong trường hợp Bên thua có kiến nghị về vấn đề này

- ***Ngoài khuôn khổ cơ chế giải quyết tranh chấp DSU:*** cơ chế trọng tài độc lập (vấn đề tranh chấp đã được các bên xác định một cách rõ ràng và thống nhất)

- Các Bên có nghĩa vụ thông báo về quyết định này cho các thành viên WTO, cho Hội đồng hoặc cho Ủy ban của Hiệp định có liên quan.

Giải quyết tranh chấp tại WTO

- **Tổng hợp các vụ tranh chấp thương mại của các nước thành viên:**
https://www.wto.org/english/tratop_e/dispu_e/dispu_agreements_index_e.htm
- **Trợ cấp:**
<https://trungtamwto.vn/chuyen-de/261-cac-cau-hoi-lien-quan-den-hiep-dinh-ve-tro-cap-va-cac-bien-phap-doi-khang-cua-wto>
- **Bán phá giá:**
https://trungtamwto.vn/upload/files/wto/4-cac-hiep-dinh-co-ban/1-5_banphagia.pdf
- **Tự vệ**
https://trungtamwto.vn/upload/files/wto/4-cac-hiep-dinh-co-ban/1-3_tuve.pdf

Việt Nam gia nhập WTO



Quy trình kết nạp thành viên

1. Nộp đơn xin gia nhập
2. Đàm phán gia nhập
 - Minh bạch hoá chính sách
 - Đàm phán mở cửa thị trường
3. Kết nạp

https://www.youtube.com/watch?v=X-TAS7W_w2Q

Tiến trình gia nhập của VN

- *11 năm đàm phán gia nhập*
- *200 cuộc đàm phán*
 - *14 phiên đàm phán đa phương*
 - *28 phiên đàm phán song phương*
- *Minh bạch hoá chính sách và đi đến các cam kết chính sách kinh tế vĩ mô phù hợp với các hiệp định của WTO*

Tiến trình gia nhập của VN

- **4/1/1995:** Nộp đơn gia nhập
- **31/1/1995:** Đại hội đồng WTO thành lập ban công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO gồm 20 thành viên (sau tăng lên 40 thành viên)
- **8/1996:** Việt Nam nộp bì WTO đưa ra quyết định “Bị vong lục về chính sách thương mại”.
- **1996:** Bắt đầu đàm phán hiệp đại thương mại song phương với nước Mỹ.

Tiến trình gia nhập của VN

- **1998 – 2000:** Thực hiện 4 phiên họp đa phương cùng với Ban Công tác về Minh bạch hóa những chính sách thương mại kể từ năm 7-1998, 12-1998, 7-1999 và 11-2000. Sau khi thực hiện xong 4 phiên họp này, Ban công tác của WTO đã đưa ra nhận xét Việt Nam cơ bản đã kết thúc quá trình minh bạch hóa chính sách và chuyển sang một giai đoạn đàm phán mở cửa thị trường.
- **7-2000:** Ký kết chính thức BTA với Hoa Kỳ
- **12-2001:** BTA đã đạt được hiệu lực
- **4-2002:** Thực hiện phiên họp đa phương lần thứ 5 với Ban công tác. Chúng ta đã đưa ra bản chào đầu tiên về hàng hóa và dịch vụ. Tiếp đến thực hiệp đàm phán song phương.

Tiến trình gia nhập của VN

- **2002 – 2006:** Đàm phán song phương cùng với một vài thành viên có yêu cầu đàm phán, cùng với 2 mốc quan trọng.
- **10 – 2004:** Chúng ta đã đàm phán song phương với EU(là đối tác quan trọng lớn nhất).
- **5-2006:** Kết thúc phiên đàm phán song phương với Mỹ – đây là đối tác cuối cùng trong tổng 28 đối tác cần phải đàm phán.
- **26-10-2006:** Kết thúc phiên đàm phán cuối cùng, Ban công tác đã chính thức thông qua giấy tờ sổ sách gia nhập WTO của Việt Nam.
- **11-1-2007:** WTO đã chính thức nhận được sự phê duyệt chính thức của toàn quốc hội nước CHXHCN Việt Nam. Bắt đầu từ lúc này Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức WTO.

Các cam kết của Việt Nam

- **Cam kết về hàng hóa:** tài liệu gồm 560 trang (miêu tả các 'lộ trình') về thuế quan, hạn ngạch, giá trần cho nông sản và một số trường hợp đặc biệt về các giai đoạn cắt giảm.
- **Cam kết về dịch vụ:** tài liệu gồm 60 trang (bao gồm cả 'lộ trình') miêu tả những lĩnh vực dịch vụ nào Việt Nam sẽ mở cửa cho các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, và các điều kiện kèm theo, bao gồm cả giới hạn về sở hữu nước ngoài.
- Báo cáo 260 trang của Ban công tác miêu tả luật của Việt Nam và các thể chế tạo dựng cho thương mại và những cam kết của Việt Nam trong các lĩnh vực đã nêu.

Các cam kết về hàng hoá

- Cắt giảm thuế 3800 dòng (35,5% số dòng của biểu thuế)
- Ràng buộc ở mức hiện hành 3700 dòng (34,5%)
- Ràng buộc theo mức thuế trần 3170 dòng (30%): xăng, dầu, kim loại, hóa chất, một số phương tiện vận tải...
- Nhóm mặt hàng cắt giảm nhiều nhất: dệt may, cá và sản phẩm cá, gỗ và giấy, hàng chế tạo, máy móc thiết bị điện-điện tử...
- Áp dụng hạn ngạch thuế quan (TRQ): trứng, đường, thuốc lá, muối

Các cam kết thực hiện Hiệp định tự do hóa theo ngành

- Cam kết về thép
- Cam kết về ô tô
- Cam kết về giấy
- Cam kết về điện tử
- Cam kết về dệt may

Cam kết chung về hàng hóa

- **Thuế xuất khẩu**
 - Giảm thuế xuất khẩu phế liệu kim loại đen (35% xuống 17%), phế liệu kim loại màu (45% xuống 22%)
- **Thuế nội địa**
 - Không phân biệt đối xử đối với hàng nhập khẩu
 - Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu, bia (thuế tuyệt đối hoặc thuế suất phần trăm)

Cam kết về dịch vụ

1. Dịch vụ kinh doanh

- Lộ trình cho phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài với các dịch vụ: thiết kế đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị, dịch vụ quảng cáo, nghiên cứu thị trường, phân tích và kiểm tra kỹ thuật...

2. Dịch vụ viễn thông (viễn thông)

- Dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng: liên doanh với vốn góp tối đa 49%
- Dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng: vốn góp bên nước ngoài có thể lên 65%

Cam kết về dịch vụ

3. Dịch vụ xây dựng: cho phép thành lập chi nhánh với điều kiện trưởng chi nhánh là người Việt Nam

4. Dịch vụ phân phối:

- Được phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài từ 2009
- Không mở cửa thị trường phân phối xăng dầu, dược phẩm, sách, báo, tạp chí, băng hình, thuốc lá, gạo, đường, kim loại quý
- Hạn chế mở điểm bán lẻ

Cam kết về dịch vụ

5. Dịch vụ giáo dục

6. Dịch vụ môi trường: cho phép thành lập DN 100% vốn nước ngoài

7. Dịch vụ tài chính

- Bảo hiểm: được thành lập công ty 100% vốn NN
- Ngân hàng: cho phép thành lập chi nhánh, ngân hàng con 100% vốn nước ngoài
- Chứng khoán: được thành lập công ty 100% vốn NN và chi nhánh để cung cấp một số loại hình dịch vụ như quản lý tài sản, thanh toán, tư vấn, trao đổi thông tin.

8. Dịch vụ y tế: được thành lập bệnh viện 100% vốn NN

Cam kết về dịch vụ

9. Dịch vụ du lịch

10. Dịch vụ văn hóa, giải trí: góp vốn không quá 49%

11. Dịch vụ vận tải:

- **Vận tải biển:** Không hạn chế vận chuyển hàng hóa qua biên giới; không cam kết đối với vận tải hành khách
- **Vận tải đường bộ, đường sắt và đường không:** chưa cho phép vận tải hàng hóa và hành khách qua biên giới
- Vận tải hàng hóa và hành khách tại Việt Nam: đường bộ (vốn NN 51%), đường thủy (49%), đường sắt (49%, chỉ được vận tải hàng hóa)

Lợi ích khi gia nhập WTO

1. Tăng trưởng kinh tế khả quan

- Tốc độ tăng trưởng bình quân là 6,29%/năm
- GDP bình quân đầu người tăng từ 730 USD vào năm 2006 lên 2.228 USD vào năm 2015 và đạt 2.445 USD năm 2016.
- Cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

Lợi ích khi gia nhập WTO

2. Đổi thay thể chế chính sách kinh tế, thương mại, đầu tư

- Việt Nam đã sửa trên 60 văn bản luật để thực thi cam kết WTO. Hàng trăm nghị định, thông tư hướng dẫn cũng đã được sửa đổi.
- WTO đã tạo sức ép để Việt Nam chuyển dần từ phương thức quản lý nhà nước can thiệp hành chính sang phương thức quản lý nhà nước kiến tạo - tôn trọng quyền tự do kinh doanh, theo quy luật thị trường.
- Năm 2007 là năm mở màn cho sự bùng nổ mới của khu vực doanh nghiệp tư nhân Việt Nam, với kỷ lục gần 60.000 doanh nghiệp thành lập mới trong năm.

Lợi ích khi gia nhập WTO

Điểm sáng xuất nhập khẩu, hút vốn FDI

- Năm 2016, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đã tăng gấp 4 lần, vượt mốc 350 tỷ USD.
- Sau 10 năm gia nhập WTO, độ mở nền kinh tế Việt Nam đã tăng từ 144% năm 2007 lên 173% năm 2016.
- Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng mạnh. Năm 2006: 10 tỷ USD; năm 2007: 21,3 tỷ USD và 2008: 64 tỷ USD.
- Việt Nam đã thu hút hơn 22.000 dự án FDI với tổng vốn đăng ký gần 300 tỷ USD, nhiều tập đoàn hàng đầu trên thế giới đã chọn Việt Nam làm “cứ điểm” sản xuất như Samsung, LG, Toyota, Honda, Canon,...

Lợi ích khi gia nhập WTO

Tự tin vào “sân chơi” toàn cầu

- Đã có 12 FTA đa phương và song phương giữa Việt Nam và các đối tác lớn trên thế giới được chính thức ký kết, hoặc kết thúc đàm phán như: FTA Việt Nam - EU (EVFTA), FTA Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA)...
- Trong đó có những FTA thế hệ mới có phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết cao như Hiệp định Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Lợi ích khi gia nhập WTO

- Việt Nam còn đang tiếp tục đàm phán thêm 4 FTA, trong đó có Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)- được dự đoán là một FTA thế kỷ, quy định các hoạt động thương mại của toàn vùng ASEAN.
https://vi.wikipedia.org/wiki/Hiệp_định_Đối_tác_Kinh_tế_Toàn_diện_Khu_vực
- Các FTA đang mở ra không gian cho Việt Nam phát triển mạnh mẽ, có quan hệ thương mại tự do với 55 đối tác trên thế giới, bao gồm các nước G7 và 15/20 thành viên nhóm G20.

Tóm tắt nội dung bài học

- Tổ chức thương mại Thế giới WTO là một tổ chức thương mại lớn nhất thế giới, quản lý luật lệ của các quốc gia trong hoạt động thương mại quốc tế
- Mục đích chính của WTO là loại bỏ hoặc giảm thiểu các rào cản thương mại tiến tới tự do hoá thương mại.
- Lịch sử hình thành, khung khổ pháp lý và cơ cấu tổ chức của WTO

Tóm tắt nội dung bài học

- Các nguyên tắc cơ bản của WTO: Thương mại không phân biệt đối xử, Tự do hoá thương mại bằng con đường đàm phán, Dễ dự đoán nhờ ràng buộc cam kết cùng chính sách minh bạch, Thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng và Khuyến khích các nước phát triển và cải cách kinh tế.
- Các chức năng chính của WTO là quản lý các hiệp định thương mại của WTO, diễn đàn đàm phán thương mại, xử lý các tranh chấp thương mại, rà soát các chính sách thương mại quốc gia, hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo các nước đang phát triển, hợp tác với các tổ chức quốc tế khác